UBND TỈNH LAI CHÂU
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Truyền thông dự thảo Dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc phát triển văn hoá-xã hôi, nông thôn, dân tộc và miền núi gia giai đoạn 2026-2035 trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Thực hiện Nghị quyết số 46/2026/QH16 ngày 24/8/2026 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026–2035; Nghị định số 387/2026/NĐ-CP ngày 12/10/2026 của Chính phủ quy định nội dung, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình, trong đó giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định mức hỗ trợ 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng dự thảo Nghị quyết với các nội dung chủ yếu như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Lai Châu là tỉnh miền núi, biên giới, địa hình chia cắt, điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn; tỷ lệ hộ nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số còn cao. Sản xuất của người dân chủ yếu có quy mô nhỏ lẻ, khả năng tích lũy, huy động vốn đối ứng, tiếp cận khoa học kỹ thuật và thị trường tiêu thụ sản phẩm còn hạn chế, nhất là tại các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới và thôn đặc biệt khó khăn.

Thực tiễn triển khai các dự án phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021–2025 trên địa bàn tỉnh đã góp phần tạo việc làm, sinh kế, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân, nhất là hộ nghèo, hộ cận nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số. Nhiều mô hình sản xuất cộng đồng, liên kết theo chuỗi giá trị bước đầu phát huy hiệu quả. Tuy nhiên, việc tổ chức thực hiện còn gặp khó khăn do năng lực sản xuất, khả năng đối ứng vốn của các đối tượng tham gia không đồng đều; quy mô sản xuất nhỏ, việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và liên kết tiêu thụ sản phẩm còn hạn chế.

Trên cơ sở tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất giai đoạn 2021-2025; căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội, đặc điểm địa bàn, đối tượng thụ hưởng và khả năng cân đối nguồn lực của tỉnh và Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với các sở ngành, địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội

đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 29/2026/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2026 quy định mức hỗ trợ 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Các mức hỗ trợ, định mức hỗ trợ được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, khả năng huy động vốn đối ứng của các đối tượng tham gia dự án và nguồn lực thực hiện Chương trình.

Từ khi Nghị quyết số 29/2026/NQ-HĐND được ban hành (ngày 31/7/2026) đến nay; qua quá trình tổ chức triển khai thực hiện chưa có các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc bất cập cần thiết phải sửa đổi, bổ sung về mức hỗ trợ và định mức hỗ trợ đối với các đối tượng tham gia dự án.

Tuy nhiên, ngày 12 tháng 10 năm 2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 387/2026/NĐ-CP thay thế Nghị định số 358/2025/NĐ-CP, quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2035. Vì vậy, Nghị quyết số 29/2026/NQ-HĐND được ban hành trên cơ sở Nghị định số 358/2025/NĐ-CP cần được rà soát, thay thế để bảo đảm thống nhất, đồng bộ với quy định mới của Chính phủ.

Việc xây dựng Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 29/2026/NQ-HĐND được thực hiện trên cơ sở kế thừa kết quả rà soát, đánh giá và các mức hỗ trợ, định mức hỗ trợ đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 29/2026/NQ-HĐND; đồng thời rà soát, cập nhật, bảo đảm phù hợp với quy định tại Nghị định số 387/2026/NĐ-CP, điều kiện thực tế của địa phương và khả năng cân đối nguồn lực thực hiện Chương trình. Theo đó, việc thay thế Nghị quyết không xuất phát từ yêu cầu điều chỉnh các mức hỗ trợ, định mức hỗ trợ đã ban hành mà chủ yếu nhằm bảo đảm cơ sở pháp lý và tính thống nhất, đồng bộ của chính sách với quy định mới của Chính phủ.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành nghị quyết

Nhằm cụ thể hóa quy định tại điểm a khoản 1 Điều 50 Nghị định số 387/2026/NĐ-CP và thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tại điểm b khoản 3 Điều 32, điểm b khoản 3 Điều 33 và điểm b khoản 2 Điều 34 Nghị định này về quyết định mức hỗ trợ tối đa đối với từng dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất. Qua đó, tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ để tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất trên địa bàn tỉnh, bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật, điều kiện thực tế và khả năng cân đối nguồn lực của địa phương.

Đồng thời, thay thế Nghị quyết số 29/2026/NQ-HĐND được ban hành trên cơ sở Nghị định số 358/2025/NĐ-CP, bảo đảm phù hợp, thống nhất và đồng bộ với các quy định mới tại Nghị định số 387/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Quan điểm xây dựng

Việc xây dựng Nghị quyết bảo đảm đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và đồng bộ với Nghị định số 387/2026/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

Mức hỗ trợ được quy định phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, đặc thù địa bàn và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh; bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng mục tiêu, nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Quan tâm ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ gia đình có thành viên là người có công với cách mạng, góp phần tạo sinh kế, nâng cao thu nhập và giảm nghèo bền vững.

Bảo đảm các quy định của Nghị quyết có tính khả thi, là căn cứ để các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026–2035 trên địa bàn tỉnh.

III. NỘI DUNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Dự thảo Nghị quyết gồm 07 điều.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ 01 dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, dự án phát triển sản xuất cộng đồng; định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hoá-xã hôi, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026-2035 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hoá-xã hôi, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026-2035 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị là dự án phát triển sản xuất do chủ trì liên kết thực hiện trên cơ sở hợp tác với các đối tượng liên kết

trong các khâu, giai đoạn khác nhau của chuỗi giá trị thông qua hợp đồng liên kết nhằm phát triển sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và bảo đảm đầu ra cho hàng hóa, dịch vụ.

2. Dự án phát triển sản xuất cộng đồng là dự án phát triển sản xuất do tổ, nhóm cộng đồng tự xây dựng, quản lý, tổ chức thực hiện.

3. Dự án phát triển sản xuất theo nhiệm vụ là dự án phát triển sản xuất thực hiện thông qua phương thức đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Hỗ trợ phải bảo đảm đúng mục tiêu, đối tượng, nội dung và điều kiện theo quy định của pháp luật; dự án có tính bền vững, sử dụng vốn hiệu quả. Trường hợp một đối tượng đủ điều kiện hưởng nhiều chính sách hỗ trợ có cùng nội dung thì chỉ được hưởng một chính sách hỗ trợ phù hợp.

2. Ưu tiên thực hiện các dự án theo thứ tự: Dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; dự án phát triển sản xuất cộng đồng; dự án phát triển sản xuất theo nhiệm vụ. Ưu tiên các dự án phát triển sản xuất các sản phẩm chủ lực, ngành hàng chủ lực để hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung.

3. Mức hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này là mức tối đa, mức hỗ trợ cụ thể của từng dự án được xác định theo quy mô và nguồn vốn được giao. Mức hỗ trợ từng đối tượng tham gia phải căn cứ nội dung được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Khuyến khích các tổ chức, hộ gia đình tham gia tự nguyện đóng góp công lao động, vật tư và các nguồn lực hợp pháp khác để nâng cao hiệu quả thực hiện.

Điều 4. Mức hỗ trợ 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án

1. Dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

a) Mức hỗ trợ: Tối đa 5.000 triệu đồng/1 dự án.

b) Định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án

- Chủ trì liên kết (Doanh nghiệp; Hợp tác xã; Liên hiệp hợp tác xã): Hỗ trợ xây dựng liên kết thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 7 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ Về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Trường hợp chủ trì liên kết tham gia liên kết thì được hỗ trợ không quá 30% kinh phí thực hiện nội dung hỗ trợ.

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo); hộ gia đình có thành viên là người có công với cách mạng: Hỗ trợ không quá 60 triệu đồng/hộ để thực hiện các nội dung hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Hộ gia đình còn lại khác: Hỗ trợ không quá 40 triệu đồng/hộ để thực hiện các nội dung hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Dự án phát triển sản xuất cộng đồng

a) Mức hỗ trợ: Tối đa 4.000 triệu đồng/1 dự án.

b) Định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo); hộ gia đình có thành viên là người có công với cách mạng: Hỗ trợ không quá 50 triệu đồng/hộ để thực hiện các nội dung hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Hộ gia đình còn lại khác: Hỗ trợ không quá 30 triệu đồng/hộ để thực hiện các nội dung hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo); hộ gia đình có thành viên là người có công với cách mạng: Hỗ trợ không quá 40 triệu đồng/hộ để thực hiện các nội dung hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Hộ gia đình còn lại khác: Hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/hộ để thực hiện các nội dung hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc phát triển văn hoá-xã hôi, nông thôn, dân tộc và miền núi gia giai đoạn 2026-2035 và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 6. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết; hướng dẫn chi tiết điều kiện, trình tự thực hiện đối với từng loại dự án và kiểm tra tình hình thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2026.

2. Nghị quyết số 29/2026/NQ-HĐND ngày 31 tháng7năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Nghị quyết này có nội dung được thay thế, sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản đã thay thế, sửa đổi, bổ sung.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XVI, kỳ họp thứ .... thông qua ngày tháng 12 năm 2026./.

IV. TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

Việc ban hành Nghị quyết tạo cơ sở pháp lý thống nhất để triển khai các dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình MTQG phát triển văn hoá-xã hôi, nông thôn, dân tộc và miền núi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026–2035; bảo đảm việc xác định mức hỗ trợ được thực hiện công khai, minh bạch, phù hợp với từng loại dự án và đối tượng tham gia.

Đối với người dân, đặc biệt là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và hộ gia đình có thành viên là người có công với cách mạng, chính sách góp phần tăng khả năng tiếp cận nguồn lực hỗ trợ, tạo việc làm, phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống.

Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chính sách khuyến khích tham gia liên kết sản xuất, xây dựng vùng nguyên liệu, tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, nâng cao chất lượng và khả năng tiêu thụ sản phẩm.

Đối với Nhà nước, việc quy định mức hỗ trợ cụ thể góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, phân bổ và sử dụng nguồn vốn ngân sách; bảo đảm nguồn lực được tập trung, đúng mục tiêu, đúng đối tượng, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách và điều kiện thực tế của địa phương.

V. THAM GIA Ý KIẾN ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lai Châu trân trọng đề nghị các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các xã, phường; các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã và Nhân dân quan tâm nghiên cứu, tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết để tổng hợp, tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

Ý kiến tham gia gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lai Châu (qua Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng Nông lâm sản, Thủy sản), địa chỉ: Tòa nhà số 2, Khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu; điện thoại: 0213.3877.737.